

Số: /QĐ-UBND

Nam Định, ngày tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả tươi, tiêu nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng
sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy
định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm,
dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy
định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử
dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt khối lượng công việc và diện tích được hỗ
trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022;*

*Căn cứ Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 05/12/2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt điều chỉnh khối lượng công việc và diện tích
được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 đối với
các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi;*

*Căn cứ Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công
ích thủy lợi năm 2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định;*

*Căn cứ Văn bản số 223/UBND-VP6 ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Nam Định về giá muối thành phẩm;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 02/12/2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách địa phương; phương án
phân bổ ngân sách tỉnh và kế hoạch đầu tư công tỉnh Nam Định năm 2022; Quyết
định số 2599/QĐUBND ngày 03/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao
chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Văn bản số 660/UBND-VP3 ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân
tỉnh về việc phương thức cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021
và các năm tiếp theo;*

*Căn cứ Quyết định số 2425/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc ủy quyền
cho Sở Nông nghiệp và PTNT quyết định đặt hàng, ký hợp đồng đặt hàng và*

điều chỉnh hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi thuộc tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2323/TTr-SNN ngày 01/8/2023 và Sở Tài chính tại Tờ trình số 329/TTr-STC ngày 02/8/2023 về việc phê duyệt kết quả tưới, tiêu nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tưới, tiêu nước và kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 (kèm theo phụ lục I, II, III), chi tiết như sau:

1. Diện tích tưới, tiêu thực tế được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 là 249.713,04 ha, trong đó:

+ Diện tích tưới, tiêu được thực hiện từ công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn ngân sách do các Công ty TNHH MTV KTCTTL quản lý là 246.642,83 ha.

+ Diện tích tưới, tiêu được thực hiện từ Công trình thủy lợi đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách hoặc một phần vốn ngân sách do huyện quản lý là 3.070,21 ha.

2. Về quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi năm 2022:

- Kinh phí theo diện tích tưới, tiêu đã được nghiệm thu và đơn giá cụ thể tại Quyết định số 973/QĐ-UBND ngày 16/5/2023 của UBND tỉnh là 296.803.175.000 đồng.

- Kinh phí tạo nguồn chi trả cho Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà là 14.940.810.000 đồng.

- Kinh phí giảm trừ theo Biên bản kiểm tra của phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Xuân Trường là 25.090.000 đồng.

- Tổng kinh phí được quyết toán là 281.837.275.000 đồng; trong đó:

+ Từ nguồn hỗ trợ sử dụng giá dịch vụ, sản phẩm công ích thủy lợi năm 2022 là 281.741.730.000 đồng; cụ thể:

(1) Đối với các Công ty TNHH MTV KTCTTL, kinh phí quyết toán theo Biên bản nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng đặt hàng giữa Sở Nông nghiệp & PTNT và Công ty là 278.024.820.000 đồng.

(2) Đối với các tổ chức, hợp tác dùng nước thuộc huyện quản lý: 3.716.910.000 đồng.

+ Từ nguồn vốn hợp pháp khác của Công ty: 95.545.000 đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Nghĩa Hưng, Ý Yên, Giao Thủy, Xuân Trường và các Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Như Điều 3;
- Lưu: VP1, VP3, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Anh Dũng